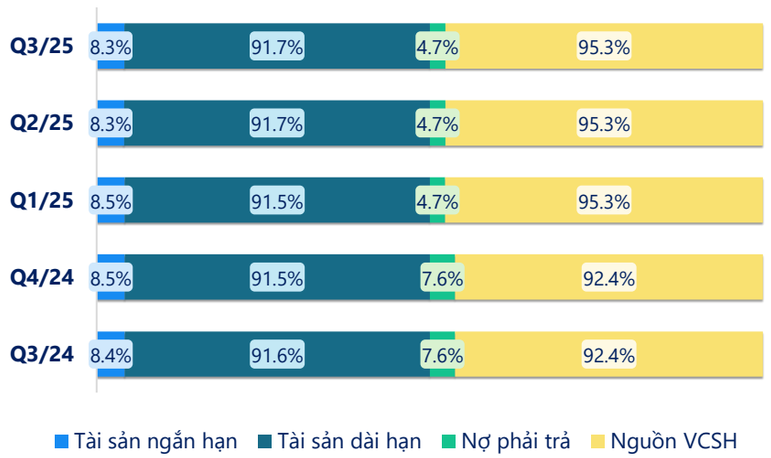
CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	150,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	524,540
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	345
P/E	170.5
EPS	13

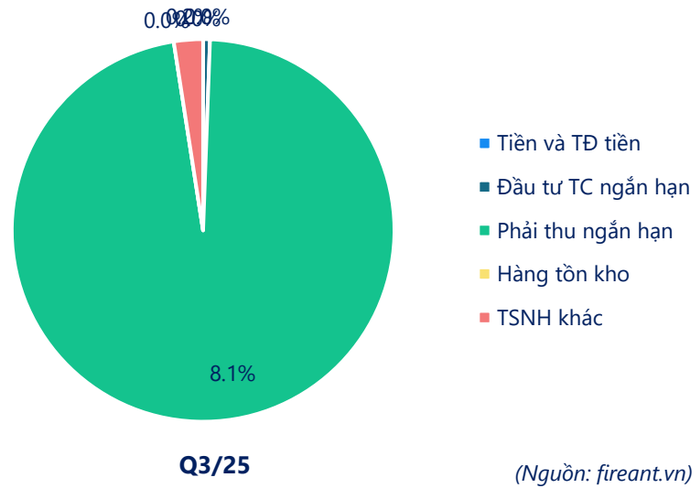
	YTD	1T	3T	6T
VHG	27.8%	-4.2%	43.8%	21.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



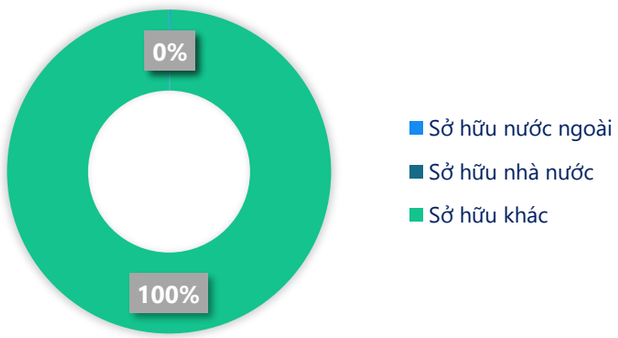
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



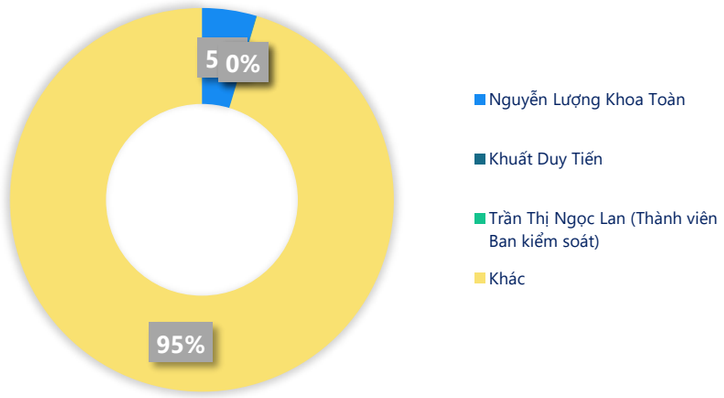
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



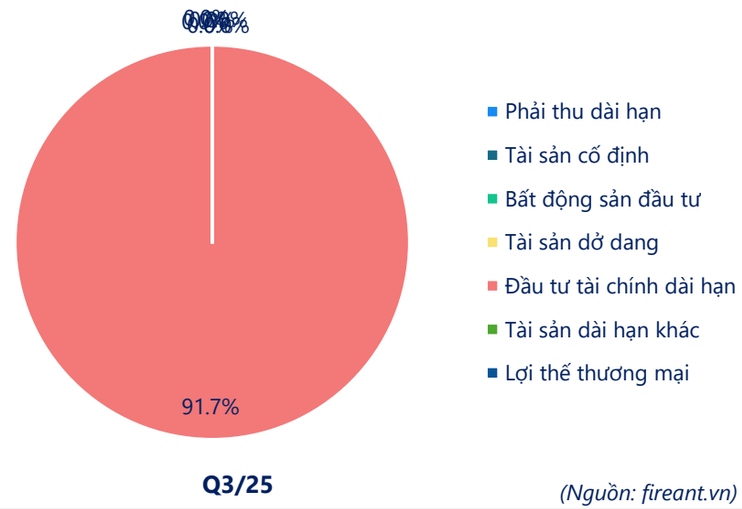
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

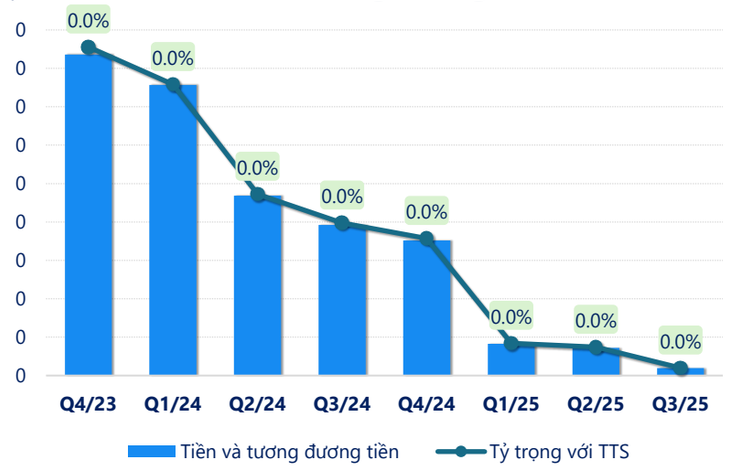


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

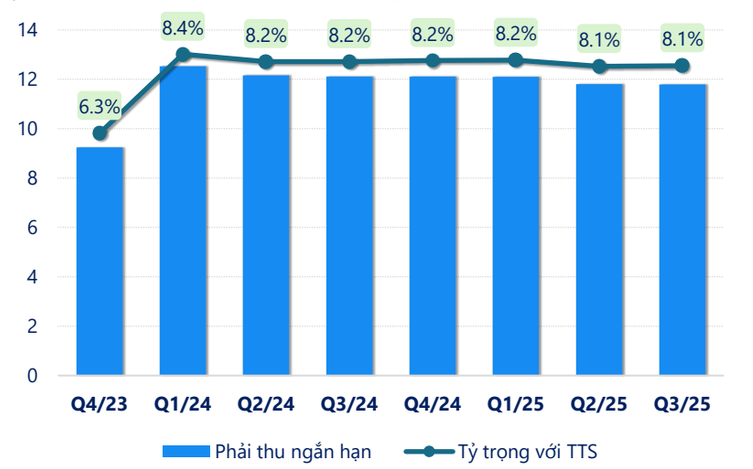
CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Tiền và tương đương tiền



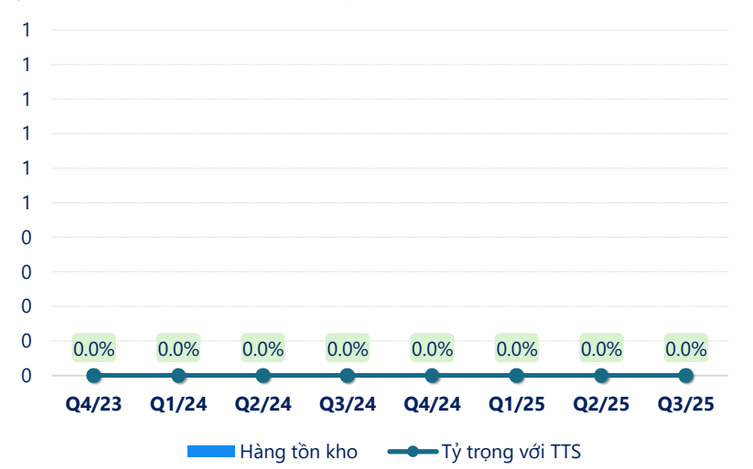
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



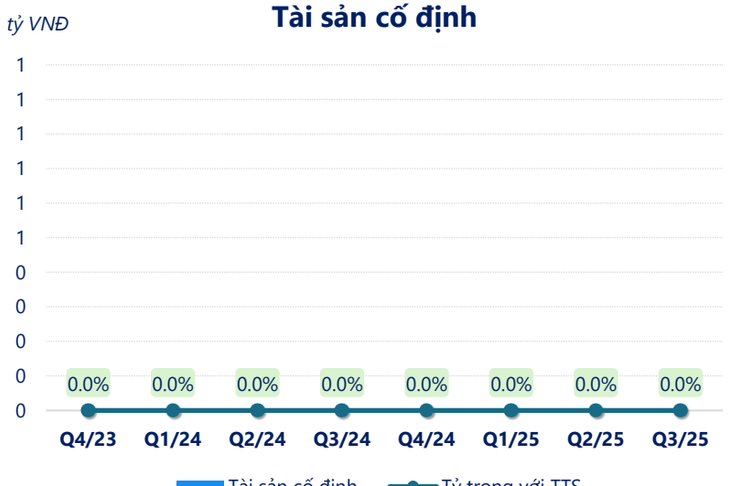
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



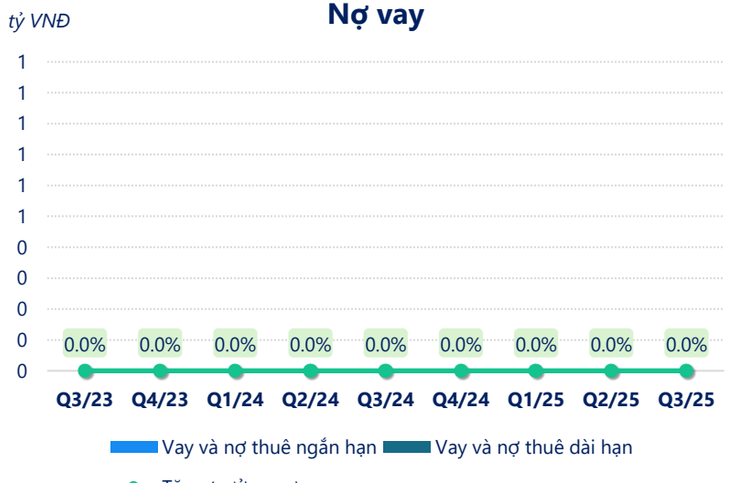
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



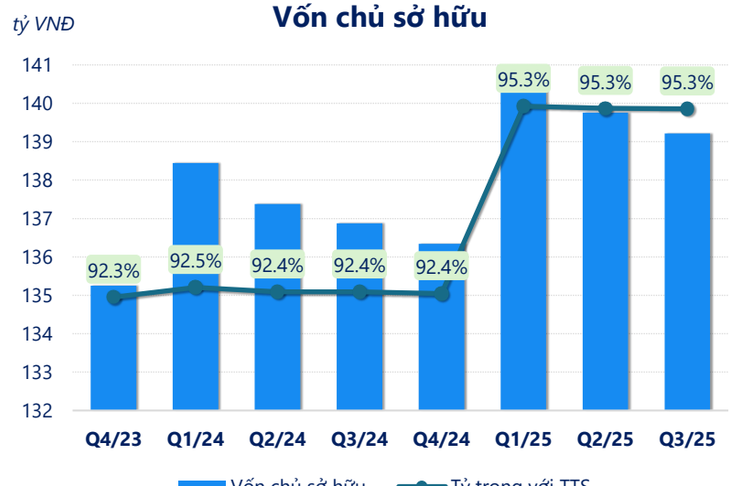
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

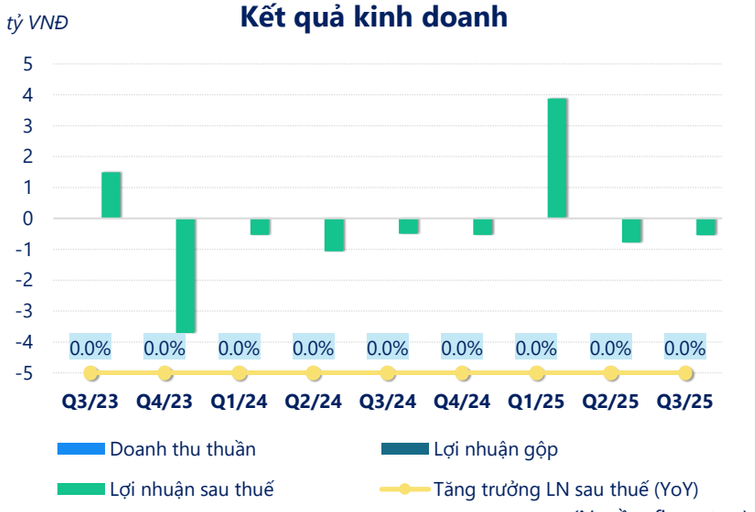
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

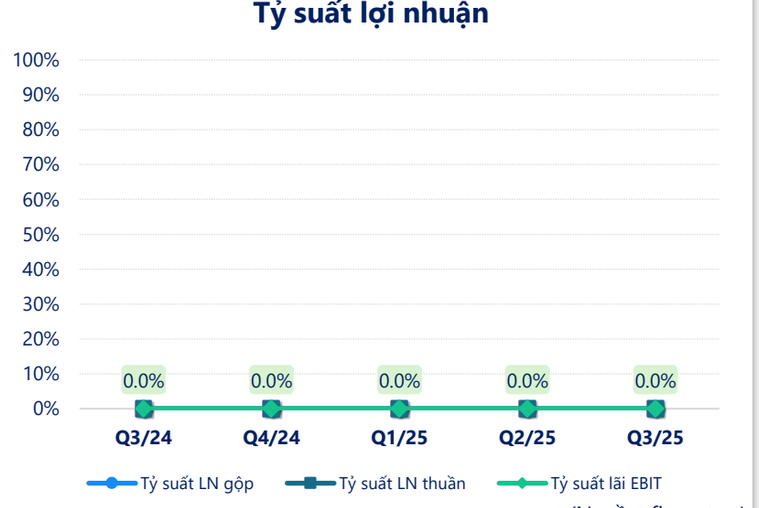
CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Kết quả kinh doanh



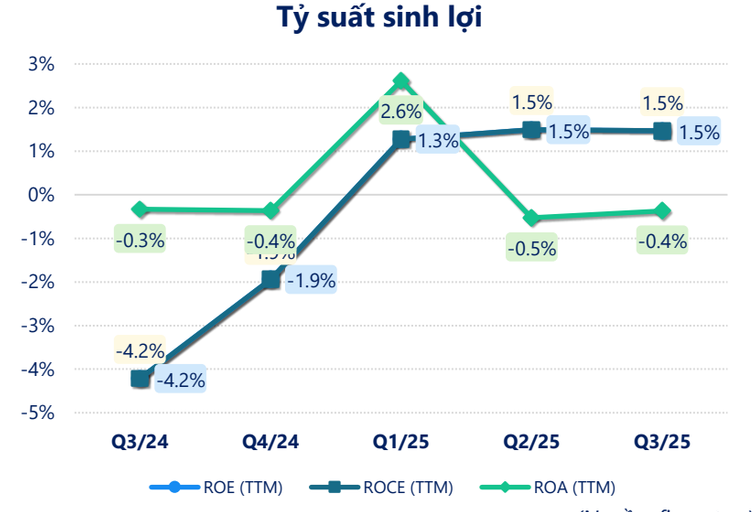
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



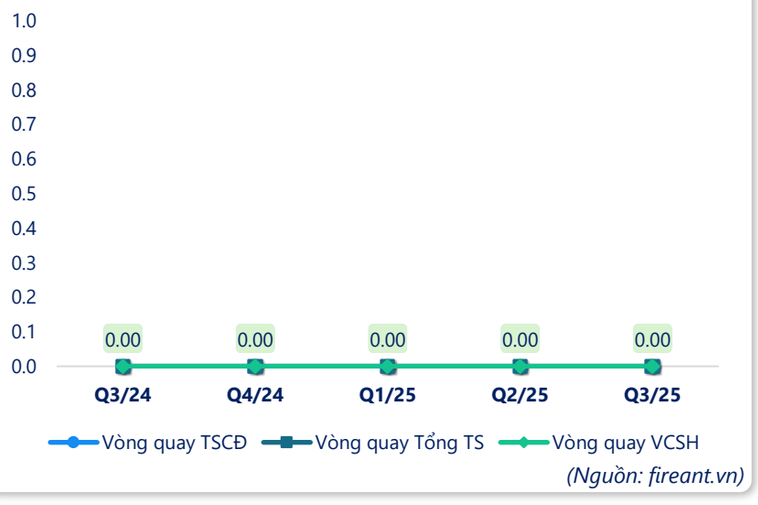
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



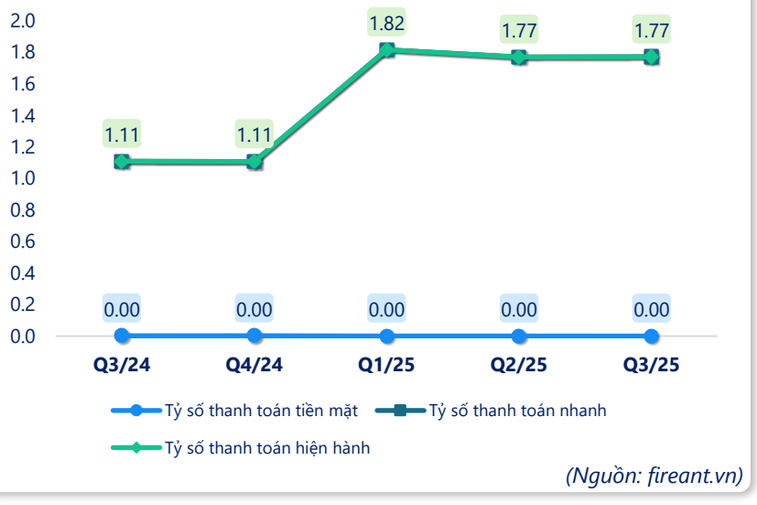
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



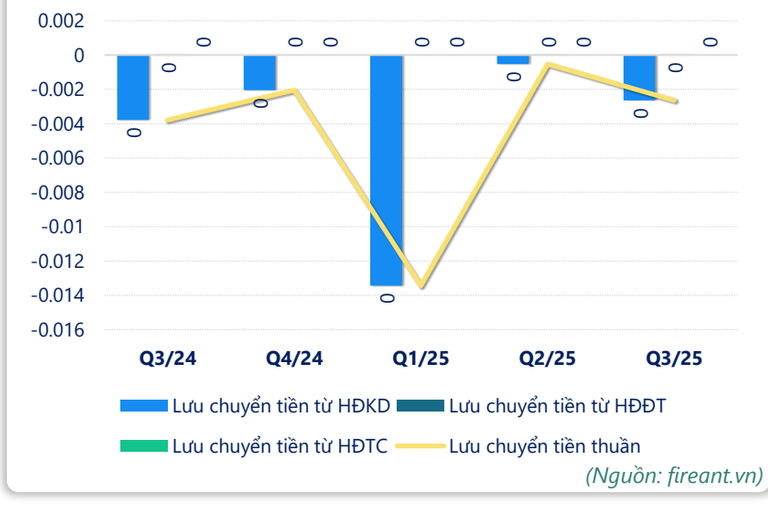
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**146**	**148**	**-1.3%**
Tài sản ngắn hạn	12.2	12.5	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	0.00	0.02	-94.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.07	0.07	-5.4%
Phải thu ngắn hạn	11.8	12.1	-2.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.28	6.3%
Tài sản dài hạn	**134**	**135**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	134	135	-1.1%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.87	11.3	-39.1%
Nợ ngắn hạn	**6.87**	**11.3**	**-39.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.81	0.81	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**139**	**137**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**139**	**137**	**1.9%**
Vốn điều lệ	1,500	1,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.50	0.53	0.51	0.48	0.54
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.00	0.00	0.02	0.30	0.00
LN thuần từ HĐKD	-0.50	-0.53	-0.53	-0.78	-0.54
Lợi nhuận khác	0	0	4.41	0	0
LN trước thuế	-0.50	-0.53	3.88	-0.78	-0.54
Lợi nhuận sau thuế	-0.50	-0.53	3.88	-0.78	-0.54
LNST của CĐ cty mẹ	-0.50	-0.53	3.88	-0.78	-0.54

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.00	0.00	-0.01	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0	0	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.02	0.02	0.02	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền thuần	**0.00**	**0.00**	**-0.01**	**0.00**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.02	0.02	0.00	0.00	0.00

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic